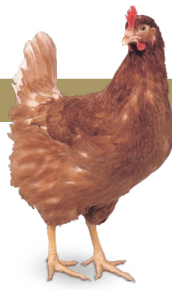


# QUẢN LÝ GÀ HY-LINE BROWN MAX: 10 ĐIỀU CÂN NHẮC HÀNG ĐẦU

Hy-Line  
BROWN MAX



Hy-Line Brown Max là giống gà đẻ màu nâu khỏe mạnh, xuất sắc trong các môi trường có điều kiện khó khăn và vấn đề vệ sinh ngày càng cao. Ở những thị trường mà màu sắc vỏ, kích cỡ trứng và giá trị từ những con gà đẻ thải loại đóng vai trò then chốt trong khả năng sinh lời, giống gà này nổi bật. Dưới đây là những cân nhắc chính để quản lý thành công gà Hy-Line Brown Max:

## 1. Chuyển đổi khẩu phần ăn dựa trên thể trọng gà hậu bị:

**Chuyển đổi dựa theo thể trọng:** Tiến hành thông qua chương trình cho ăn dựa trên thể trọng chứ không phải tuổi gà. Nhanh chóng chuyển sang chế độ ăn giai đoạn kế tiếp khi thể trọng phù hợp với các tiêu chuẩn của giống. Trì hoãn quá trình này có thể khiến đàn trở nên thừa cân.

Tránh cho ăn khẩu phần quá đậm đặc để ngừa tăng thể trọng quá mức, đặc biệt là trong giai đoạn thức ăn dành cho gà giò từ 12 đến 15 tuần tuổi, để ngăn ngừa tỷ lệ tử vong do sa tử cung, gan nhiễm mỡ và các vấn đề liên quan đến đẻ trứng.

## 2. Tập ăn khẩu phần Tiên-Đẻ:

**Khẩu phần Tiên-Đẻ hàm lượng thấp:** Cho ăn khẩu phần ăn tiên-đẻ hàm lượng thấp kể từ khi bắt đầu kích thích ánh sáng trong thời gian không quá 10–12 ngày. Tránh cho ăn khẩu phần đậm đặc trong giai đoạn này để tránh phát triển thể trọng quá mức và các vấn đề liên quan đến chức năng sinh sản. Nên cung cấp ít nhất 50% tổng lượng canxi trong khẩu phần ăn ở dạng đá vôi thô. Quá trình chuyển đổi từ ăn khẩu phần gà giò sang ăn khẩu phần tiên đẻ có thể được đồng bộ hóa bằng việc kích thích ánh sáng. Xem Bảng 1 để biết ví dụ về ăn khẩu phần tiên đẻ có hàm lượng thấp hơn.

## 3. Giảm dần giờ chiếu sáng:

**Quản lý ánh sáng:** Giảm dần chiếu sáng 2 giờ mỗi tuần cho đến khi đạt tổng cộng 10 giờ vào tuần thứ 8 đối với chuồng tối kín và 12 giờ đối với chuồng hở được chiếu sáng tự nhiên. Xem Bảng 2 để biết chương trình chiếu sáng được khuyến cáo. Đối với chuồng hở, vui lòng tham khảo [www.hyline.com](http://www.hyline.com) để biết chương trình chiếu sáng cụ thể tương ứng với độ dài ngày tự nhiên theo mùa.

**Lưu ý:** Nếu thể trọng trung bình vượt quá tiêu chuẩn tối đa khi 6 tuần tuổi, hãy cân nhắc thực hiện tổng cộng 10 hoặc 12 giờ (chuồng kín hoặc chuồng hở) khi gà được 6 tuần tuổi.

## 4. Kích thích ánh sáng đúng lúc::

Đảm bảo có kích thích ánh sáng khi đàn đạt thể trọng trung bình là 1380 g với độ đồng đều 85% (thường là từ 15–16 tuần tuổi). Tăng dần ánh sáng thêm 1 giờ mỗi tuần cho đến khi đạt tổng số 14 giờ, sau đó tính toán tăng thêm 30 phút mỗi tuần cho đến khi đạt được tổng thời lượng ngày dài là 16 giờ. Ngoài ra, nên tăng tổng số ánh sáng lên 14 giờ nếu đạt trứng Gà-Ngày >96% cho thời gian đẻ cao điểm sau 25 tuần tuổi.

## 5. Giữ cường độ ánh sáng phù hợp:

Tăng dần cường độ ánh sáng trong hai tuần trước khi chuyển đàn đến chuồng đẻ trứng (không trước 15 tuần tuổi để tránh bị kích thích sớm), xem bảng 2. Điều chỉnh cường độ ánh sáng của chuồng nuôi hậu bị cuối cùng tương thích với chuồng đẻ. Sử dụng đèn mát (>4000 K) ở mức không quá 15 lux ở hậu bị và đèn ấm (2700-3500 K) ở mức 20–30 lux khi đẻ.

**BẢNG 1. KHUYẾN CÁO MỨC DINH DƯỠNG THỨC ĂN TIÊN ĐẸ**

Năng lượng trao đổi, kcal/kg	2750
Năng lượng trao đổi, MJ/kg	11.51
Axit amin tiêu hóa hồi tràng tiêu chuẩn	
Lysine, %	0.72
Methionine, %	0.35
Methionine+Cystine, %	0.62
Threonine, %	0.50
Tryptophan, %	0.16
Arginine, %	0.75
Isoleucine, %	0.56
Valine, %	0.61
Protein thô, %	
Can xi, %	2.50
Phốt pho hữu dụng, %	0.42
Phốt pho tiêu hóa, %	0.38
Natri, %	0.18
Clo, %	0.18
Linoleic Acid (C18:2 n-6), %	1.20
Choline, mg/kg	1800

**BẢNG 2. KHUYẾN CÁO CHƯƠNG TRÌNH CHIẾU SÁNG**

Tuổi (tuần)	Thể trọng (g)	Chiếu sáng (Tổng số giờ)	
		Hở	Kín
1	70	22	22
2	130	20	21
3	200	18	20
4	290	16	18
5	380	15	16
6	480	14	14
7	590	13	12
8	710	12	10
9	820	12	10
10	930	12	10
11	1040	12	10
12	1130	12	10
13	1220	12	10
14	1290	12	10
15	1360	12	10
16	1430	13	12
17	1500	14	13
18	1610	14 ½	14
19	1700	15	15
20	1770	15 ½	15 ½
21	1810	16	16



Hy-Line

## 6. Quản lý Thẻ trọng giai đoạn đẻ:

Tăng trọng mục tiêu: Mục tiêu tăng 320 g (20%) từ 18 đến 25 tuần tuổi. Đảm bảo sự phát triển thẻ trọng ổn định nhưng tránh tăng quá mức trong giai đoạn quan trọng này. Duy trì sự phát triển thẻ trọng là rất quan trọng để duy trì năng suất đẻ (xem Bảng 3).

## 7. Thay đổi kích cỡ hạt đá vôi:

Cung cấp một tỷ lệ đá vôi có kích thước hạt lớn (3–4 mm) trong khẩu phần với tỷ lệ tăng dần so với đá vôi có kích thước nhỏ hơn (1–2 mm) trong suốt giai đoạn đẻ (xem Bảng 4). Điều này cho phép gà được lựa chọn lượng khoáng chất cần thiết và góp phần vào chức năng của mề. Ngược lại, chức năng của mề hỗ trợ hành vi bình tĩnh của chim. Kích thước hạt đá vôi thô và tỷ lệ mịn-thô cần được điều chỉnh theo giá trị độ hòa tan ở phòng thí nghiệm.

## 8. Đặc tính hành vi của giống:

Tạo ra một môi trường phù hợp với bản chất yên tĩnh và hòa đồng của Hy-Line Brown Max bao gồm việc cung cấp không gian sàn, thức ăn và nước được khuyến cáo cho mỗi con gà, đảm bảo thông gió và nhiệt độ tối ưu, duy trì ánh sáng thích hợp, quản lý dinh dưỡng hiệu quả, áp dụng biện pháp xử lý kỹ thuật ít gây stress và duy trì các biện pháp quản lý ổn định (xem lại thông số kỹ thuật của Hướng dẫn Quản lý của Hy-Line). Những biện pháp này góp phần vào sức khỏe chung của đàn, thúc đẩy hành vi tự nhiên, giảm thiểu căng thẳng, và nâng cao khả năng thích ứng và năng suất của giống.

## 9. Thường xuyên Giám sát và Đánh giá:

Thường xuyên theo dõi và đánh giá thẻ trọng so với mục tiêu của giống. Đo điểm tình trạng cơ ngực và xương ức. Điều chỉnh các biện pháp quản lý dựa trên những đánh giá này để đảm bảo năng suất tối ưu và phúc lợi cho gà.

## 10. Cỡ trứng và Thức ăn:

Nếu không muốn trứng có trọng lượng lớn vào cuối chu kỳ đẻ, hãy cân nhắc việc kiểm soát kích thước trứng ngay từ khi bắt đầu đẻ bằng cách tránh không cho ăn mật độ dinh dưỡng cao hơn trong giai đoạn này.

Theo dõi lượng thức ăn ăn vào và tính toán lượng chất dinh dưỡng tiêu thụ theo tiêu chuẩn của giống. Đánh giá các chất dinh dưỡng quan trọng ảnh hưởng đến cỡ trứng như protein và axit amin (methionine và cystine), axit linoleic và tổng chất béo. Hãy nhớ: gà không ăn theo tỷ lệ phần trăm, chúng ăn lượng chất dinh dưỡng, vì vậy hãy ước tính lượng ăn vào của những chất dinh dưỡng quan trọng này. Nếu lượng chất dinh dưỡng ăn vào vượt quá nhu cầu, hãy cân nhắc chuyển đàn sang chế độ ăn có hàm lượng axit amin và/hoặc axit linoleic thấp hơn. Duy trì mức năng lượng để duy trì năng suất trứng. Khẩu phần có mức năng lượng thấp cũng sẽ khuyến khích lượng thức ăn ăn vào nhiều hơn, dẫn đến tăng lượng protein ăn vào, từ đó sẽ làm tăng cỡ trứng. Lượng chất béo quá mức trong thức ăn cũng sẽ kích thích lượng thức ăn ăn vào, làm tăng thêm cỡ trứng.

Kiểm tra tỷ lệ methionine và cystine so với lysine trong khẩu phần. Khẩu phần ăn ở giai đoạn đầu của gà đẻ không được chứa methionine và cystine vượt quá 90% mức lysine.

Tiến hành chương trình cho ăn theo từng giai đoạn dựa trên sản lượng trứng và kích cỡ trứng. Chuyển sang chế độ ăn ở giai đoạn tiếp theo khi trọng lượng trứng nằm trong khoảng 2 g so với mục tiêu.

Trọng lượng trứng có liên quan chặt chẽ với thẻ trọng ở giai đoạn đẻ cao điểm. Gà mái đạt đỉnh đẻ có thẻ trọng thấp hơn thường đẻ trứng nhỏ hơn trong suốt toàn bộ chu kỳ đẻ, bất kể mức độ dinh dưỡng như thế nào, và ngược lại, thẻ trọng lượng cao hơn có xu hướng dẫn đến trứng lớn hơn.

Nhiệt độ môi trường cũng đóng một vai trò quan trọng ảnh hưởng đến lượng thức ăn ăn vào và có thể được điều chỉnh một cách chiến lược để tăng hoặc giảm lượng thức ăn tiêu thụ. Hơn nữa, việc sử dụng kích thước hạt lớn hơn (1000–1200 micron) sẽ kích thích lượng thức ăn ăn vào và tạo điều kiện hấp thụ dinh dưỡng. Ngược lại, kích thước hạt mịn hơn (600–900 micron) lại mang lại tác dụng ngược lại, làm giảm lượng ăn vào và hạn chế hấp thụ dinh dưỡng.

Đảm bảo thức ăn càng đồng đều càng tốt để tránh phân bố cỡ trứng không đồng đều.

Bằng cách tổng hợp những cân nhắc này vào thực tiễn quản lý, người chăn nuôi gà có thể tối đa hóa tiềm năng của Hy-Line Brown Max, không chỉ thúc đẩy sản lượng và chất lượng trứng bán được cao mà còn cả sức khỏe tổng thể của đàn.

**BẢNG 3. TĂNG THẺ TRỌNG TUẦN**

Tuổi (tuần)	Thẻ trọng (g)	Tăng thẻ trọng tuần
15	1360	70
16	1430	70
17	1500	70
18	1610	110
19	1700	90
20	1770	70
21	1810	40
22	1850	40
23	1880	30
24	1910	30
25	1930	20

**BẢNG 4. KÍCH CỠ ĐÁ VÔI**

Tuần	Kích cỡ hạt (mịn:thô)
18–33	40:60
34–48	35:65
49–62	30:70
63–76	25:75
77+	25:75



**Hy-Line.**

Hy-Line International

| [www.hyline.com](http://www.hyline.com)